BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3641/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Lâm nghiệp
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Mã ngành: 7620201
Ngành: Lâm học
Chuyên Ngành: Nông lâm kết hợp

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
3	202112	Toán cao cấp B1	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
4	202401	Sinh học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
5	202501	Giáo dục thể chất 1*	1	45	0	0	45	0	0	1	1			
6	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
7	213603	Anh văn 1*	4	60	60	0	0	0	0	1	1			
8	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
9	200105	Lịch sử Đảng CSVN	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
10	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
11	200202	Quân sự (thực hành)*	3	90	0	90	0	0	0	1	2			
12	202113	Toán cao cấp B2	2	30	30	0	0	0	0	1	2	202112		
13	202502	Giáo dục thể chất 2*	1	45	0	0	45	0	0	1	2			
14	213604	Anh văn 2*	3	45	45	0	0	0	0	1	2	213603		
15	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
16	202121	Xác suất thống kê	3	45	45	0	0	0	0	2	1	202113		
17	202416	Thực vật học và phân loại TV	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
18	202623	Xã hội học Nông thôn	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
19	214103	Tin học đại cương*	3	60	30	30	0	0	0	2	1			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3641/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Lâm nghiệp
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Mã ngành: 7620201
Ngành: Lâm học
Chuyên Ngành: Nông lâm kết hợp

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
Cộng			*44*	*780*	*570*	*120*	*90*	*0*	*0*					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0101 - Phải đạt tối thiểu : 5 TC														
1	203203	Di truyền học đại cương	3	60	30	30	0	0	0	1	2			
2	211102	Sinh học phân tử	2	30	30	0	0	0	0	1	2	202401		
3	202406	Khoa học môi trường đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
Cộng			*7*	*120*	*90*	*30*	*0*	*0*	*0*					
2. Khối cơ sở ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3	45	45	0	0	0	0	2	1			
2	205111	Sinh thái rừng	3	60	30	30	0	0	0	2	2			
3	205112	Thực vật rừng	3	60	30	30	0	0	0	2	2	202416		
4	205130	Đất và lập địa	4	75	45	30	0	0	0	2	2			
5	205207	Sinh lý thực vật	3	60	30	30	0	0	0	2	2			
6	205360	Thống kê lâm nghiệp	3	60	30	30	0	0	0	2	2	202121		
Cộng			*19*	*360*	*210*	*150*	*0*	*0*	*0*					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0201 - Phải đạt tối thiểu : 8 TC														
1	205403	Ngoại ngữ chuyên ngành	3	45	45	0	0	0	0	2	1			
2	205910	Lâm sinh học	3	45	45	0	0	0	0	2	1			
3	202403	Đa dạng sinh học	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
4	205102	Bệnh hại rừng	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
5	205128	Sinh thái cảnh quan	3	45	45	0	0	0	0	2	2			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3641/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Lâm nghiệp
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Mã ngành: 7620201
Ngành: Lâm học
Chuyên Ngành: Nông lâm kết hợp

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
6	206021	GIS trong lâm nghiệp	3	60	30	30	0	0	0	2	2			
Cộng			*16*	*255*	*225*	*30*	*0*	*0*	*0*					
3. Khối chuyên ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	205215	Nông lâm kết hợp	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
2	205301	Di truyền và giống cây rừng	3	45	45	0	0	0	0	2	2	202401		
3	205107	Lâm luật và CSLN	2	30	30	0	0	0	0	3	1	202622		
4	205151	Kỹ thuật nhân giống và vườn ươm	3	60	30	30	0	0	0	3	1			
5	205198	Thực tập cơ sở ngành LN	3	135	0	0	135	0	0	3	1			
6	205214	Trồng rừng	3	60	30	30	0	0	0	3	1			
7	205402	Lâm nghiệp xã hội	3	45	45	0	0	0	0	3	1	202623		
8	205433	Hệ thống sử dụng đất LN	3	60	30	30	0	0	0	3	1			
9	205316	Điều tra rừng	3	60	30	30	0	0	0	3	2			
10	205407	Lâm sản ngoài gỗ	2	30	30	0	0	0	0	3	2			
11	205425	Hệ thống nông lâm kết hợp	2	30	30	0	0	0	0	3	2	205215		
12	205434	Truyền thông thúc đẩy	2	45	15	30	0	0	0	3	2			
13	205224	Quản lý dự án lâm nghiệp XH	2	30	30	0	0	0	0	4	1	205402		
14	205405	Thực tập LNXH và NLKH	3	135	0	0	135	0	0	4	1	205402		
15	205432	Chẩn đoán và thiết kế NLKH	2	30	30	0	0	0	0	4	1	205425		
16	205435	Mô hình hóa NLKH	2	45	15	30	0	0	0	4	1			
Cộng			*40*	*870*	*420*	*180*	*270*	*0*	*0*					

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

Mẫu in: C2040.003

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3641/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ) **Mã ngành: 7620201**

Khoa đào tạo: Lâm nghiệp **Ngành: Lâm học**

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136 **Chuyên Ngành: Nông lâm kết hợp**

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 10 TC														
1	205216	Lâm nghiệp đô thị	2	45	15	30	0	0	0	3	1			
2	205303	Kinh tế LN và định giá rừng	3	45	45	0	0	0	0	3	1			
3	205132	Kỹ thuật lâm sinh	3	60	30	30	0	0	0	3	2			
4	205225	Bảo tồn đất và nước trong NLKH	3	45	45	0	0	0	0	3	2	205215		
5	205429	Tiếp thị sản phẩm NLKH	2	30	30	0	0	0	0	3	2	205215		
6	205566	Khởi nghiệp lâm nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	3	2			
7	205424	Quản lý rừng dựa vào cộng đồng	2	30	30	0	0	0	0	4	1	205402		
8	205430	Phương pháp viết báo cáo KH	2	45	15	30	0	0	0	4	1			
9	205431	PP làm việc với cộng đồng	2	30	30	0	0	0	0	4	1	205402		
Cộng			*21*	*360*	*270*	*90*	*0*	*0*	*0*					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 10 TC														
1	205906	Khóa luận tốt nghiệp	10	150	0	0	0	150	0	4	2			
2	205909	Tiểu luận tốt nghiệp LN	5	75	0	0	0	75	0	4	2			
Cộng			*15*	*225*	*0*	*0*	*0*	*225*	*0*					

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 103 ***Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 33***

Nhóm tốt nghiệp sẽ có 2 hình thức lựa chọn:

1. Khóa luận tốt nghiệp (10 TC)

2. Tiểu luận tốt nghiệp (5 TC) + phải đạt thêm 5 TC nhóm tự chọn chuyên ngành 0301

(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy

Lưu ý: Ngoài số 136 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 10 năm 2018

Hiệu Trưởng	Trưởng Phòng Đào Tạo	Trưởng Khoa/ Bộ môn
GS.TS. Nguyễn Hay	TS. Trần Đình Lý	PGS.TS.Phạm Ngọc Nam